



Số: 49320/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Đường phèn thượng hạng
2. Mã số mẫu: 072510863/DV.6
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lọ thủy tinh, 70 mL/lọ. Số lượng: 2.
NSX: Không có - HSD: Không có.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 02/07/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 02/07/2025 - 18/08/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH YẾN SÀO & QUÀ TẶNG HOÀNG TRIỀU
Địa chỉ: Số 16, Ngọc Hân Công Chúa, phường Kinh Bắc,
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1)
9.2*	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH (eLOD ₅₀ : 1)
9.3*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	g/100g	AOAC 2020.07	10,6
9.4*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	9,64
9.5*	Hàm lượng Protein	g/100g	NIFC.02.M.03	1,14
9.6	Năng lượng (tính theo Protein, Lipid và Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ))	kcal/100g	NIFC.02.M.06	47,0
9.7*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.8*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.9*	Hàm lượng Natri	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	6,82
9.10*	Hàm lượng Acid Sialic (NANA, NGNA)	mg/100g	NIFC.05.M.185 (LC-MS/MS)	279

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.11*	Hàm lượng Lipid	g/100g	NIFC.02.M.04	< LOQ (LOQ: 0,03)

Ghi chú: $eLOD_{50}$ là giới hạn phát hiện LOD_{50} ước tính với xác suất phát hiện là 50%
LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử
KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
Phương pháp NIFC.02.M.13 (HPLC-RID) được công nhận phù hợp với yêu cầu của TCVN
ISO/IEC 17025:2017 đối với chỉ tiêu: Glucose, Fructose, Sucrose, Lactose, Maltose.

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Cao Sơn



Số: 49321/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Đường kiêng thượng hạng
2. Mã số mẫu: 072510863/DV.7
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lọ thủy tinh, 70 mL/lọ. Số lượng: 2.
NSX: Không có - HSD: Không có.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 02/07/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 02/07/2025 - 18/08/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH YẾN SÀO & QUÀ TẶNG HOÀNG TRIỀU
Địa chỉ: Số 16, Ngọc Hân Công Chúa, phường Kinh Bắc,
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1)
9.2*	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH (eLOD ₅₀ : 1)
9.3*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	g/100g	AOAC 2020.07	10,1
9.4*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	8,08
9.5*	Hàm lượng Protein	g/100g	NIFC.02.M.03	1,09
9.6	Năng lượng (tính theo Protein, Lipid và Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ))	kcal/100g	NIFC.02.M.06	44,8
9.7*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.8*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.9*	Hàm lượng Natri	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	5,86

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.10*	Hàm lượng Lipid	g/100g	NIFC.02.M.04	< LOQ (LOQ: 0,03)

Ghi chú: eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%
LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử
KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
Phương pháp NIFC.02.M.13 (HPLC-RID) được công nhận phù hợp với yêu cầu của TCVN
ISO/IEC 17025:2017 đối với chỉ tiêu: Glucose, Fructose, Sucrose, Lactose, Maltose.

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



Số: 49322/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Đồng trùng thượng hạng
2. Mã số mẫu: 072510863/DV.8
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lọ thủy tinh, 70 mL/lọ. Số lượng: 2.
NSX: Không có - HSD: Không có.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 02/07/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 02/07/2025 - 18/08/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH YẾN SÀO & QUÀ TẶNG HOÀNG TRIỀU
Địa chỉ: Số 16, Ngọc Hân Công Chúa, phường Kinh Bắc,
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1)
9.2*	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH (eLOD ₅₀ : 1)
9.3*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	g/100g	AOAC 2020.07	9,76
9.4*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	3,88
9.5*	Hàm lượng Protein	g/100g	NIFC.02.M.03	1,23
9.6	Năng lượng (tính theo Protein, Lipid và Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ))	kcal/100g	NIFC.02.M.06	44,0
9.7*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.8*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.9*	Hàm lượng Natri	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	8,22

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.10*	Hàm lượng Lipid	g/100g	NIFC.02.M.04	< LOQ (LOQ: 0,03)

Ghi chú: $eLOD_{50}$ là giới hạn phát hiện LOD_{50} ước tính với xác suất phát hiện là 50%
LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử
KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
Phương pháp NIFC.02.M.13 (HPLC-RID) được công nhận phù hợp với yêu cầu của TCVN
ISO/IEC 17025:2017 đối với chỉ tiêu: Glucose, Fructose, Sucrose, Lactose, Maltose.

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.